

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**

Bản án số: 75/2025/DSST

Ngày: 30/07/2025

Về việc: “**Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản**”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Phạm Văn Bình
2. Bà Nguyễn Thị Hồng

***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Hà My - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 02/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 07 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-DS ngày 18/07/2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Điêu Quốc G**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Tổ dân phố 16, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm (nay là phường Từ Liêm), thành phố Hà Nội - Có mặt

**- Bị đơn:** Anh **Đinh Tiến H**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Số 7 ngách 102/24 đường Hoàng Đạo Thành, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân (nay là phường Khương Đình), Hà Nội - Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - ông Điêu Quốc G trình bày:***

Ngày 14/12/2021, ông cho anh Đinh Tiến H vay số tiền 200.000.000 đồng. Hai bên có lập “Giấy vay tiền” ghi ngày 14/12/2021 với nội dung, ông H vay ông số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 14/12/2021. Tài sản bảo đảm là xe Mazda màu đỏ BKS 30F - 008.34 do vợ

chồng ông Đinh Tiến H và Nguyễn Phương A là đồng sở hữu; Mục đích vay là để anh H làm công trình tại số 9 Dương Đình Nghệ. Ông đã chuyển khoản đủ số tiền vay cho anh H.

Tiếp đó, ngày 21/01/2022, ông cho anh H vay thêm số tiền 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản 3833888888 mang tên Đinh Tiến H mở tại Ngân hàng SHB.

Tổng số tiền ông cho anh H vay là 250.000.000 đồng.

Sau khi vay, anh H thanh toán cho ông được 16 tháng tiền lãi tương đương số tiền 80.000.000 đồng, còn thiếu 08 tháng tiền lãi tương đương 40.000.000 đồng.

Đến hạn trả nợ ngày 14/12/2023, anh H không thanh toán nợ gốc và lãi cho ông nên ngày 18/03/2024, ông lập “Thông báo đòi nợ” với nội dung yêu cầu anh H thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/12/2023 là 290.000.000 đồng (gồm 250.000.000 đồng tiền vay và 40.000.000 đồng tiền lãi). Anh H đã xác nhận nợ và cam kết thực hiện trong 12 tháng, trung bình mỗi tháng thanh toán từ 10 đến 20 triệu đồng nhưng sau đó không thực hiện.

Ông đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện cho anh H yêu cầu trả nợ nhưng anh H không trả nên ông phải khởi kiện đến Tòa án. Nay quan điểm của ông là yêu cầu anh H phải thanh toán trả ông số tiền 250.000.000 đồng theo “Giấy vay tiền” ngày 24/12/2021 và chứng từ chuyển khoản ngày 21/01/2022 và khoản tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 14/12/2023 đến nay với mức lãi suất 10%/năm. Đối với số tiền lãi 40.000.000 đồng tương đương 08 tháng tiền lãi còn thiếu, ông không yêu cầu anh H thanh toán.

Theo Giấy vay tiền hai bên có thoả thuận tài sản bảo đảm là xe Mazda màu đỏ BKS 30F - 008.34 do anh H và vợ là Nguyễn Phương A là đồng sở hữu nhưng hai bên không thoả thuận gì về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bên vay không trả được nợ, ông cũng không giữ bất cứ giấy tờ gì liên quan đến chiếc xe, hiện nay chiếc xe còn hay đã bán ông cũng không biết, ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại “Thông báo đòi nợ” ngày 18/03/2024 có chữ ký làm chứng của anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1984 ở số nhà 36, ngõ 43 Nguyễn Phong Sắc, phường Dịch Vọng hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Mặc dù anh Hiếu có cam kết “*Tôi cũng sẽ chịu trách nhiệm cùng ông Đinh Tiến H trả số tiền 290.000.000 đồng*” nhưng thực tế anh H chỉ là người làm chứng, không vay tiền của ông và cũng không sử dụng tiền vay nên nay ông chỉ yêu cầu anh H trả ông số tiền vay và lãi suất theo quy định của pháp luật. Ông không yêu cầu anh H phải trả số tiền trên và đề nghị Tòa án không đưa anh H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

**\* Bị đơn - anh Đinh Tiến H trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 14/12/2021, anh có vay của anh Điều Quốc G số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, ngày 21/01/2022, anh vay thêm số tiền 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Tổng số tiền anh vay anh G là 250.000.000 đồng. Sau khi vay, anh trả lãi đầy đủ cho anh G, mỗi tháng 5.000.000 đồng. Do thời điểm dịch bệnh Covid, kinh tế khó khăn nên anh chậm thanh toán cho anh G mấy tháng tiền lãi. Ngày 18/03/2024, hai bên có văn bản thống nhất tổng số tiền vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi còn thiếu là 40.000.000 đồng. Anh có cam kết với anh G thanh toán dần mỗi tháng 10-20 triệu đồng cho đến khi hết nợ nhưng sau đó anh chưa trả được thì anh G gọi điện chửi bới, đe dọa nên anh không trả nợ cho anh G nữa. Nay anh G khởi kiện anh đến Tòa án, quan điểm của anh là xác nhận còn nợ anh G số tiền 250.000.000 đồng và 40 triệu tiền lãi theo tài liệu anh G xuất trình cho Tòa án nhưng anh không có điều kiện thanh toán ngay mà chỉ có thể trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng. Nếu anh G không đồng ý, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- *Nguyên đơn - ông Điều Quốc G trình bày:* Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh Đinh Tiến H phải thanh toán trả ông số tiền 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 14/12/2023 đến nay theo mức lãi suất 10%/năm; Không yêu cầu xem xét, giải quyết đối với tài sản bảo đảm là xe Mazda màu đỏ BKS 30F - 008.34 do vợ chồng anh H là đồng sở hữu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 2 - Hà Nội có quan điểm:***

- *Về việc tuân theo Pháp luật của thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu thanh toán số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 14/12/2023. Căn cứ theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định; Bị đơn là ông Đinh Tiến H có địa chỉ tại số 7 ngách 102/24 đường Hoàng Đạo Thành, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là phường Khương Đình, thành phố Hà Nội). Do vậy Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội) thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Về xác định tư cách đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thu thập tài liệu, chứng cứ: Tòa án tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ theo đúng trình tự, quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải; Việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thụ lý vụ án ngày 02/01/2025, ngày 03/7/2025 Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử chậm 02 tháng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự, Viện kiểm sát: Đúng quy định tại các điều từ điều 171 đến 177 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu: Ngày 16/7/2025 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ kèm theo quyết định đưa vụ án ra xét xử cho VKSND khu vực 2, thành phố Hà Nội chưa đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS về trình tự, thủ tục xét xử vụ án tại phiên tòa

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 26, 35, 39, 146 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 353, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điều Quốc G, yêu cầu ông Đinh Tiến H phải thanh toán trả ông G số tiền còn nợ là 250.000.000 đồng và khoản lãi chậm trả tính từ ngày 14/12/2023 đến nay với mức lãi suất 10%/năm; Về án phí: Bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp, về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - ông Điều Quốc G khởi kiện bị đơn - anh Đinh Tiến H có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú là số 7 ngách 102/24 đường Hoàng Đạo Thành, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân (nay là phường Khương Đình), Hà Nội, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng vay tiền đã lập giữa các bên. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn - anh Đinh Tiến H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1]. Xét yêu cầu đòi nợ số tiền 250.000.000 đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo tài liệu do nguyên đơn xuất trình, ngày 14/12/2021, giữa ông Điều Quốc G và anh Đinh Tiến H phát sinh quan hệ vay tài sản thông qua việc giao kết “Giấy vay tiền”. Xét thấy, thỏa thuận của các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức, nội dung phù hợp quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015, thỏa thuận trên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

Theo thỏa thuận, ông G đồng ý cho anh H vay số tiền 200.000.000 đồng trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 14/12/2021 với lãi suất 2%/tháng. Tài sản bảo đảm là xe Mazda màu đỏ BKS 30F - 008.34 do vợ chồng anh Đinh Tiến H và Nguyễn Phương A là đồng sở hữu; Mục đích vay là để anh H làm công trình tại số 9 Dương Đình Nghệ.

Ngoài ra, ngày 21/01/2022, ông G chuyển khoản cho anh H vay số tiền 50.000.000 đồng. Theo chứng từ chuyển khoản ngày 21/01/2022 do Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - chi nhánh Hoàng Quốc Việt - Phòng giao dịch Trần Đăng Ninh lập và nguyên đơn nộp cho Tòa án có ghi nội dung chuyển khoản là “*chuyển tiền H vay 10 ngày*”

Như vậy, tổng số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 250.000.000 đồng.

Ngày 18/03/2024, hai bên ký văn bản “Thông báo đòi nợ”, anh H xác còn nợ ông G số tiền 250.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền lãi

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Đinh Tiến H có lời khai thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền như nguyên đơn trình bày nhưng không có điều kiện thanh toán ngay mà chỉ có thể trả dần 10.000.000 đồng/tháng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn theo “Giấy vay tiền” ngày 14/12/2021 và chứng từ chuyển khoản ngày 21/01/2022 là 250.000.000 đồng. Căn cứ các điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thực hiện.

[2.2]. Đối với yêu cầu thanh toán số tiền lãi của số tiền 250.000.000 đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo “Giấy vay tiền” ngày 14/12/2021, các bên thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng (tương đương 24%/năm). Theo lời khai của nguyên đơn, tính đến thời điểm đến hạn trả nợ là ngày 14/12/2023, bị đơn đã thanh toán trả nguyên đơn được 16 tháng tiền lãi tương đương 80.000.000 đồng, còn nợ 08 tháng, tương đương 40.000.000 đồng. Xét mức lãi suất các bên thỏa thuận trong giấy nhận nợ

vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 4%/năm. Theo quy định của pháp luật, phần vượt quá không có hiệu lực. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán 08 tháng tiền lãi còn lại. Như vậy, quyền lợi của bị đơn không bị ảnh hưởng bởi phần lãi suất vượt quá và bị đơn cũng yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét số tiền lãi các bên đã thanh toán cho nhau.

Kể từ ngày 14/12/2023 đến nay, bị đơn không thanh toán trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là vi phạm thoả thuận của các bên, lẽ ra bị đơn phải chịu mức lãi quá hạn đối với số tiền chậm thanh toán. Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 24/12/2023 đến nay theo mức lãi suất 10%/năm. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 24/12/2023 đến nay, thời gian chịu lãi sẽ là 19 tháng 06 ngày x lãi suất 10%/năm, số tiền lãi cụ thể là:  $(250.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 19 \text{ tháng} + 250.000.000 \text{ đồng} \times 0,028\%/\text{ngày} \times 06 \text{ ngày}) = 39.987.500 \text{ đồng}$ .

Yêu cầu về khoản tiền lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thực hiện

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc nợ lãi bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn là:  $250.000.000 \text{ đồng} + 39.987.500 \text{ đồng} = \mathbf{289.987.500 \text{ đồng}}$

Do các bên có thoả thuận về lãi nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

[2.3]. Đối với tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán: Theo “Giấy vay tiền” xác lập ngày 14/12/2021, các bên thoả thuận tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô Mazda màu đỏ BKS 30F - 008.34 do vợ chồng anh Đinh Tiến H là đồng sở hữu. Tuy nhiên, các bên không thoả thuận biện pháp xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bên vay không trả được nợ, bên cho vay không quản lý tài sản bảo đảm cũng như bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến tài sản trên và đến nay cũng không biết tài sản này đang ở đâu. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm này, do đó Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án và điểm b Mục 1.3 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị Quyết, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $289.917.500 \text{ đồng} \times 5\% = 14.499.375 \text{ đồng}$

Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036878 ngày 02/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án và điểm b Mục 1.3 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị Quyết.

#### **\* Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Điều Quốc G đối với anh Đinh Tiến H về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán

Buộc anh Đinh Tiến H phải thanh toán trả ông Điều Quốc G số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/07/2025) là 289.987.500 đồng (*hai trăm tám mươi chín triệu chín trăm tám bảy nghìn năm trăm đồng*), bao gồm: Nợ gốc là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 39.987.500 đồng (*Ba chín triệu chín trăm tám bảy nghìn năm trăm đồng*) theo “Giấy vay tiền” ngày 14/12/2021 và tài liệu chuyển khoản ngày 21/01/2022.

[2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Anh Đinh Tiến H phải chịu 14.499.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả ông Điều Quốc G số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036878 ngày 02/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**[4]. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án sơ thẩm.

***Nơi nhận :***

- Người tham gia tố tụng
- VKSND khu vực 2 - Hà Nội
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Đỗ Thị Diệu Thúy***

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

***Nơi nhận :***

**TÒA**

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hoàng Mai
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án

***Đỗ Thị Diệu Thúy***